

Bản án số: 61/2018/DS-ST

Ngày: 14/9/2018

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Hạnh và Bà Huỳnh Thị Minh
Tuyệt

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Vĩnh Phúc - Cán bộ
TAND thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Khánh – Kiểm sát viên.

Vào hồi 09 giờ 20 phút ngày 14/9/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2017/TLST- DS ngày 29 tháng 11 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2018/QĐXX-ST ngày 01/8/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1963

Địa chỉ: đường T, phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên

Có mặt tại phiên tòa

2. *Bị đơn:* Ông Trần Thanh V, sinh năm 1975 và bà Trần Thị T, sinh năm 1975; Cùng địa chỉ: đường C, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Điều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 24/10/2017, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày: Ngày 18/02/2015, ông Trần Thanh V và bà Trần Thị T gặp bà hỏi mượn 655.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng Sacombank, hẹn trong vòng 30 ngày hoàn trả, nhưng từ khi mượn cho đến nay ông V, bà T không trả cho bà mặc dù bà đã gặp ông V, bà T nhiều lần và cả điện thoại nhắc nhưng cho đến nay vẫn chưa trả nên bà khởi kiện yêu cầu tòa giải quyết buộc ông Trần Thanh V và bà Trần Thị T

trả cho bà số tiền mượn 655.000.000 đồng và lãi từ ngày mượn 18/02/2015 cho đến ngày xét xử theo quy định pháp luật.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông V, bà T vẫn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày và Tòa cũng không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản xác minh ngày 18/6/2018 chính quyền địa phương cung cấp: Ông Trần Thanh V, sinh năm 1975 và bà Trần Thị T, sinh năm 1975 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại đường C, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Tại biên bản xác minh ngày 15/12/2017 Trường trung học cơ sở Hùng Vương cung cấp: Cô Trần Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: đường C, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên là giáo viên của trường trung học cơ sở Hùng Vương. Hiện tại cô T không dạy tại trường vì từ ngày 01/9/2017 cô T có đơn xin nghỉ ốm dài hạn nên nhà trường thôi trả lương từ tháng 9/2017.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý, thu thập chứng cứ từ khi thụ lý đến khi xét xử tuân thủ đúng theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng khi tiến hành xét xử tại phiên tòa. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên phải chịu hậu quả pháp lý.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Trần Thanh V và bà Trần Thị T phải trả 655.000.000 đồng tiền gốc và lãi theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Pháp luật về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ theo giấy mượn tiền ngày 18/02/2015 nên căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Pháp luật về nội dung: Giao dịch giữa bà G với ông V, bà T được xác lập ngày 18/02/2015. Do đó, căn cứ Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Tại giấy mượn tiền ngày 18/02/2015, ông Trần Thanh V và bà Trần Thị T mượn của bà Trần Thị G 655.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, hẹn trong vòng 30 ngày trả lại nhưng từ đó đến nay ông V, bà T chưa trả cho bà G. Do đó, bà G yêu cầu ông V, bà T phải trả 655.000.000 đồng tiền mượn là có cơ sở chấp nhận

[4] Về lãi suất: Tại giấy mượn tiền ngày 18/02/2015, các bên không thỏa thuận lãi suất, hẹn trong vòng 30 ngày hoàn trả lại. Tại phiên Tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 18/02/2015. Nên Hội đồng xét xử

chấp nhận lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xét xử là từ ngày 18/02/2015 đến ngày 14/9/2018 là 42 tháng 26 ngày x 9%/năm = 210.582.500 đồng.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 471, 474, 476 và khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Thanh V và bà Trần Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền: 865.582.500đ (tám trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm tám mươi hai nghìn năm trăm đồng (trong đó tiền gốc 655.000.000đồng, lãi 210.582.500đồng) về khoản vay tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì phải chịu thêm khoản lãi suất theo Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành xong.

Về án phí:

+ Ông Trần Thanh V và bà Trần Thị T phải chịu 37.967.500 đồng (ba mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị G 16.940.000đồng (mười sáu triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2015/0009717 ngày 27/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cơ

